

Số: **41** /2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **30** tháng **12** năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH)

1. Sửa đổi một số nội dung của Điều 3 như sau:

- a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “khả năng” bằng cụm từ “năng lực”;
- b) Tại khoản 2, sửa đổi các số kiểu chữ số La Mã là I, II, III, IV, V bằng kiểu chữ số Ả Rập tương ứng là 1, 2, 3, 4, 5.

2. Sửa đổi cụm từ “và năm cấp chứng chỉ” bằng cụm từ “, năm cấp chứng chỉ và loại chứng chỉ (cấp mới, cấp lại hoặc đổi)” tại khoản 1 Điều 4.

3. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 6 như sau:

- a) Bỏ cụm từ “công nhận và” tại tên Điều và khoản 1;
- b) Bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó” tại điểm b khoản 1;
- c) Bãi bỏ khoản 2.

4. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 7 như sau:

- a) Tại khoản 1, bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó”;
- b) Bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu” tại khoản 2.

5. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 8 như sau:

- a) Bỏ cụm từ “do người được cấp chứng chỉ có sự thay đổi, cải chính hộ tịch” tại khổ văn đầu tiên của Điều;
- b) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Mẫu 02, Phụ lục 05” bằng cụm từ “Mẫu 03 Phụ lục 04” và bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó”;
- c) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu”;
- d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi một số nội dung ghi trên chứng chỉ đã cấp, đề nghị nộp bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi hoặc bản chụp giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi kèm theo xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp trực tiếp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Đối với đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động đạt yêu cầu tại kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;
- b) Đối với đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, người có nhu cầu lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

c) Đối với đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, người có nhu cầu lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Tổ chức kỹ năng nghề hoặc người có nhu cầu nộp hồ sơ đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo 1 trong 3 cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trường hợp nộp trực tiếp, các thành phần hồ sơ nộp ở dạng bản chính hoặc bản chụp đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính, các thành phần hồ sơ nộp ở dạng bản chính hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp đăng ký qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác, đủ điều kiện tiếp nhận, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không đủ điều kiện để cấp, đổi, cấp lại theo quy định tại thông tư này hoặc do các điều kiện khách quan, bất khả kháng khác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

7. Bổ sung Điều 9a như sau:

“Điều 9a. Công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người đạt giải tại hội thi tay nghề quốc gia, ASEAN, thế giới

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp căn cứ kết quả đạt giải/huy chương của thí sinh tại hội thi tay nghề quốc gia, ASEAN, thế giới để thực hiện công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.”.

8. Sửa đổi cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 2 Điều 10.

9. Bỏ cụm từ “công nhận và” tại tên Điều và nội dung của Điều 11.

10. Tại khoản 1 Điều 12, bỏ cụm từ “công nhận và” và sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử <http://vanbang.gdnn.gov.vn>”,

11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 13 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “, báo cáo về quá trình tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá về những hạn chế của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, những thiếu hụt kỹ năng phổ biến của người lao động tham

gia đánh giá và dự kiến về nhu cầu kỹ năng nghề của người lao động trên địa bàn trong thời gian từ 3 - 5 năm tới (nếu có) về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 14 như sau:

a) Tại tên Điều 14, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “quy định các biểu mẫu báo cáo, sổ sách quản lý nghiệp vụ liên quan đến cấp, đổi, cấp lại” bằng cụm từ “thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp, đổi, cấp lại hoặc bị hủy bỏ, thu hồi”;

c) Tại khoản 4, bổ sung cụm từ “và tìm kiếm thông tin trên môi trường mạng” sau cụm từ “việc xử lý, tra cứu”.

13. Sửa đổi một số nội dung của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi nội dung khoản 1 như sau:

“1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của Ban giám khảo theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”;

b) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “công nhận và” và bổ sung cụm từ “căn cước công dân hoặc” trước cụm từ “chứng minh nhân dân”.

14. Sửa đổi một số nội dung của Điều 17 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Tổng cục Dạy nghề” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “công nhận và”.

15. Thay thế Phụ lục 01 của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Thay thế Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH tương ứng bằng Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH như sau:

- a) Bãi bỏ Mẫu 01;
- b) Thay thế Mẫu 02 và Mẫu 03 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH tương ứng bằng Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Bãi bỏ Điều 5.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH)

1. Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại, cấp đổi” tại nội dung của Điều 5.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 6 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 31/2015/NĐ-CP)” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP)”;

b) Tại điểm c khoản 1, sửa đổi cụm từ “khoản 2 Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “khoản 1 Điều 3 Nghị định 140/2018/NĐ-CP”;

c) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP”;

d) Tại điểm b khoản 2, bỏ cụm từ “ quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”.

3. Tại Điều 7, sửa đổi cụm từ “hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại” bằng cụm từ “hồ sơ đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi” và sửa đổi cụm từ “tờ khai đề nghị cấp, cấp lại” bằng cụm từ “tờ khai đề nghị cấp; cấp lại, cấp đổi” tại tên Điều và nội dung của Điều.

4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 1;

b) Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xây dựng” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp, xây dựng và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt” tại khoản 2.

5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3;

b) Bổ sung cụm từ “ và tài liệu hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 3 của Điều này” sau cụm từ “danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành” tại điểm d khoản 1.

6. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 12 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” và bổ sung cụm từ “, khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP” vào sau cụm từ “Khoản 4 Điều 20 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”;

b) Tại điểm a khoản 2, sửa đổi cụm từ “Chậm nhất sau 02 (hai) ngày” bằng cụm từ “Chậm nhất là 02 (hai) ngày” và sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

c) Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại điểm b khoản 2 và điểm e khoản 3;

d) Tại điểm a khoản 3, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp”;

đ) Tại điểm c khoản 3, sửa đổi cụm từ “điểm c Điều 10” bằng cụm từ “điểm c khoản 1 Điều 10”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “chứng minh nhân dân” bằng cụm từ “căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu” tại điểm b khoản 1 và điểm d khoản 2;

b) Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

“c) Không được mang theo các tài liệu, vật dụng không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra theo thông báo được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 12;”.

c) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“đ) Yêu cầu người tham dự không mang theo các tài liệu, vật dụng không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra;”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

“c) Không được mang theo các tài liệu, vật dụng, thiết bị, dụng cụ không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra theo thông báo được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 12;”.

b) Sửa đổi điểm e khoản 2 như sau:

“e) Yêu cầu người tham dự không mang theo các tài liệu, vật dụng, thiết bị, dụng cụ không được phép vào vị trí thực hiện bài kiểm tra;”.

9. Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 3 Điều 19 và điểm b khoản 2 Điều 22.

10. Sửa đổi Điều 23 như sau:

“Điều 23. Đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi đăng tải, niêm yết thông báo kết quả kiểm tra kiến thức, kiểm tra thực hành theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề phải lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề đạt yêu cầu và gửi đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Thông tư 38/2015/TT-BLĐTBXH quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.”.

11. Sửa đổi bổ sung một số nội dung của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại tên Điều;

b) Sửa đổi cụm từ “Thống nhất quản lý việc thực hiện” bằng cụm từ “Tham mưu, giúp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về” tại khoản 1;

c) Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 như sau:

“1a. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đánh giá kỹ năng nghề quốc gia theo thẩm quyền;”

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê, quản lý, lưu trữ tài liệu, hồ sơ và thống nhất các biểu mẫu sử dụng liên quan đến hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; công bố công khai trên trang thông tin điện tử <http://vanbang.gdnn.gov.vn> về danh sách những người đã được cấp, cấp lại, cấp đổi hoặc bị hủy bỏ, thu hồi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;”.

12. Thay thế Phụ lục 01 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này.

13. Thay thế Phụ lục 02 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 05 kèm theo Thông tư này.

14. Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục 03 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 06 kèm theo Thông tư này.

15. Thay thế Mẫu số 01 và Mẫu số 02 của Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH tương ứng bằng Mẫu số 01 và Mẫu số 02 của Phụ lục 07 kèm theo Thông tư.

16. Thay thế Phụ lục 05 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 08 kèm theo Thông tư này.

17. Thay thế Phụ lục 06 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 09 kèm theo Thông tư này.

18. Thay thế Phụ lục 10 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này.

19. Thay thế Phụ lục 14 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 11 kèm theo Thông tư này.

20. Bãi bỏ Phụ lục 13 của Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **15** tháng **02** năm 20**20**
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) để xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc BLĐTBXH, Website BLĐTBXH;
- Lưu: VT, TCGDNN (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



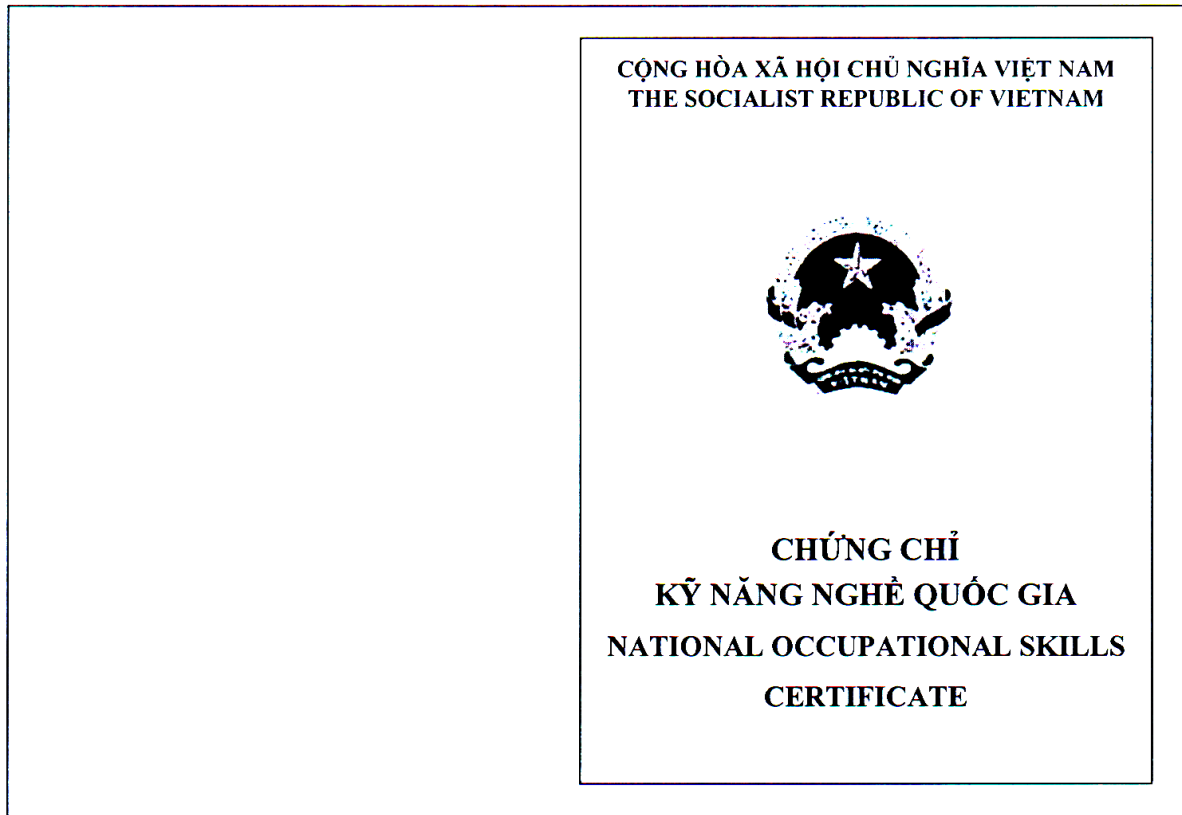
Lê Quân

PHỤ LỤC 01

MẪU CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số **41**./2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

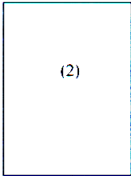
Hình thức và nội dung của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia như sau:

a) Mặt ngoài

Mặt ngoài chứng chỉ có kích thước 210 mm x 145 mm và nền màu xanh đậm; phía bên phải có khung màu vàng, kích thước 99 mm x 139 mm và khoảng cách từ mép khung đến mép giấy phía ngoài là 03mm. Nội dung trong khung gồm có:

- Hàng chữ “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” và hàng chữ “**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng;
- Quốc huy có đường kính 35 mm;
- Các hàng chữ “**CHỨNG CHỈ**”, “**KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**”, “**NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS**”, “**CERTIFICATE**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng.

b) Mặt trong

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS CERTIFICATE	CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
LEVEL ⁽¹⁾	BẬC ⁽¹⁾
	Công nhận
This is to certify that	Ông/Bà: ⁽³⁾
Mr/Mrs/Ms: ⁽³⁾	Ngày sinh ^(3a) Quốc tịch: ^(3b)
Day of Birth: ^(3a)	Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: ⁽⁴⁾
Nationality: ^(3b)	Ngày cấp ⁽⁵⁾
ID Number/Passport: ⁽⁴⁾	Đạt yêu cầu ở bậc trình độ kỹ năng nghề: ⁽⁷⁾
Date of issue: ⁽⁵⁾	nghề: ⁽⁸⁾
Has been recognized for level ⁽⁷⁾	⁽⁹⁾ , ngày tháng năm ⁽¹⁰⁾
Job: ⁽⁸⁾	⁽¹¹⁾
Reference number: ⁽¹⁴⁾ / ⁽¹⁵⁾ - ⁽¹⁶⁾	Số vào sổ: ⁽¹³⁾ ⁽¹²⁾

Mặt trong của chứng chỉ có kích thước 210 mm x 145 mm, nền màu trắng có hoa văn màu vàng nhạt in chìm, ở chính giữa có in chìm hình trống đồng màu cam nhạt; bao quanh mặt trong là khung hoa văn màu vàng có kích thước 204mm x 139mm và khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 03mm; Nội dung trong khung gồm có:

- Hàng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” và hàng chữ “THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

- Hàng chữ “CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA” và hàng chữ “NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS CERTIFICATE” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đỏ;

- Các chữ “LEVEL” và “BẬC” được trình bày bằng kiểu chữ in đứng, màu đỏ;

- Các nội dung khác trên chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

⁽¹⁾ Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề bằng chữ số Ả Rập (từ bậc 1 đến bậc 5) kiểu chữ in đứng, màu đỏ;

⁽²⁾ In ảnh 03 x 04 cm của người được cấp chứng chỉ;

⁽³⁾ Ghi họ và tên đầy đủ của người được cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

^(3a) Ghi ngày, tháng, năm sinh của người được cấp chứng chỉ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;

^(3b) Ghi quốc tịch của người được cấp chứng chỉ kiểu chữ in đứng, màu đen;

⁽⁴⁾ Ghi số căn cước công dân, hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp chứng chỉ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;

- (5) Ghi ngày, tháng, năm cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp chứng chỉ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (7) Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề (từ bậc 1 đến bậc 5) bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (8) Ghi tên nghề bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;
- (9) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng kiểu chữ thường, màu đen; ghi ngày tháng năm cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ số Ả Rập, kiểu nghiêng, màu đen. Đối với những số thể hiện ngày nhỏ hơn 10 và tháng 1, 2 phải ghi thêm số 0 phía trước;
- (10) Ghi chức danh của người ký cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa, đứng, màu đen;
- (11) Chữ ký và dấu của cơ quan người ký cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
- (12) Ghi họ và tên đầy đủ của người ký chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng kiểu chữ thường, đứng, đậm, màu đen;
- (13) Ghi theo số trong sổ cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (14) Ghi số thứ tự của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại mục a Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này bằng chữ số kiểu đứng, màu đỏ;
- (15) Ghi mã hiệu vùng theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này bằng kiểu chữ in hoa, màu đen;
- (16) Ghi hai số cuối của năm cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng chữ số kiểu đứng, màu đen và ký hiệu “CL” đối với chứng chỉ được cấp lại hoặc “CĐ” đối với chứng chỉ được đổi.

PHỤ LỤC 02

MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số h.1/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV -⁽²⁾.....⁽³⁾....., ngày tháng năm 20.....
V/v cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

.....⁽¹⁾.....

Địa chỉ :⁽⁵⁾.....

Điện thoại/Fax: Email:

Trang thông tin điện tử (Website):.....

.....⁽¹⁾....., xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo;
2. Bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
3. Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu.

Đề nghị Quý cơ quan xem xét cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người có tên trong danh sách nêu trên./.

(9)

(6)

(7)

(8)

⁽¹⁾ Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽³⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽⁵⁾ Ghi rõ địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽⁶⁾ Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽⁷⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽⁸⁾ Họ và tên đầy đủ của người ký;

⁽⁹⁾ Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

Mẫu 02.....⁽¹⁾
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /CV -⁽²⁾⁽³⁾, ngày tháng năm 20.....**DANH SÁCH**
ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự kỳ
đánh giá kỹ năng nghề⁽⁴⁾
được tổ chức từ ngày⁽⁵⁾
tại⁽⁶⁾

Số TT	Họ và tên	Ảnh 03x04cm	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	CCCD/CMND/ Hộ chiếu		Bậc trình độ
						Số	Ngày cấp	
1								
2								
...								

Tổng cộng có.....⁽⁷⁾ người trong danh sách đề nghị./.

NGƯỜI LẬP

⁽⁸⁾⁽⁹⁾⁽¹¹⁾⁽¹⁰⁾

-
- ⁽¹⁾ Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
⁽³⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
⁽⁴⁾ Ghi đầy đủ tên nghề thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
⁽⁵⁾ Ghi ngày, tháng, năm tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;
⁽⁶⁾ Ghi địa điểm thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
⁽⁷⁾ Ghi tổng số người trong danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
⁽⁸⁾ Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
⁽⁹⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
⁽¹⁰⁾ Họ và tên đầy đủ của người ký;
⁽¹¹⁾ Chữ ký, họ và tên đầy đủ của người lập danh sách.

PHỤ LỤC 03

MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41../2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾, ngày tháng năm 20....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ ĐỔI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:⁽²⁾ Giới tính:.....
 Ngày sinh:⁽³⁾ Quốc tịch:.....
 Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu: Ngày cấp.....
 Địa chỉ liên lạc:
 Điện thoại: Email (nếu có):
 Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:
⁽⁴⁾ tại:.....⁽⁵⁾
 và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau:

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp
2. Ảnh 03 x 04 cm

Đề nghị Quý cơ quan xem xét đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI
 (Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽²⁾ Ghi họ và tên theo kiểu chữ in hoa;

⁽³⁾ Ghi ngày, tháng, năm sinh của người đề nghị đổi chứng chỉ;

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp.

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾, ngày tháng năm 20....

TỜ KHAI**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:⁽²⁾ Giới tính:.....
 Ngày sinh:⁽³⁾ Quốc tịch:.....
 Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu: Ngày cấp.....
 Địa chỉ liên lạc:
 Điện thoại: Email (nếu có):
 Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:⁽⁴⁾
 tại:⁽⁵⁾
 và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾

Lý do xin cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp: ⁽⁷⁾

1. Do bị hỏng, rách ☐
2. Do có sự thay đổi nội dung trên chứng chỉ đã cấp ☐
3. Do bị mất ☐

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau:⁽⁸⁾

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hỏng, rách ☐
 2. Giấy tờ chứng minh sự thay đổi nội dung trên chứng chỉ ☐
- đã cấp (.....⁽⁹⁾)
3. Ảnh 3 x 4 cm ☐

Đề nghị Quý cơ quan xem xét cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽²⁾ Ghi họ và tên theo kiểu chữ in hoa;

⁽³⁾ Ghi ngày, tháng, năm sinh của người đề nghị cấp lại chứng chỉ;

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp;

⁽⁷⁾ ⁽⁸⁾ Đánh dấu X vào ô thích hợp;

⁽⁹⁾ Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh sự thay đổi nội dung.

PHỤ LỤC 04

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số **41**./2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**BỘ LAO ĐỘNG -THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BLĐTBXH-GCNHĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 20

GIẤY CHỨNG NHẬN

Hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chứng nhận:

1. Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề (ghi bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch tiếng quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại/Fax: Email:

Trang thông tin điện tử (Website):

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... ngày ... tháng ...
năm của⁽¹⁾

2. Được thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề theo các
bậc trình độ kỹ năng sau đây:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

Tại địa điểm:.....⁽²⁾

(3)

(4)

(5)

⁽¹⁾ Tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

⁽²⁾ Địa chỉ nơi thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự trong các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

⁽³⁾ Chức danh của người ký cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Chữ ký và dấu cơ quan của người ký cấp giấy chứng nhận;

⁽⁵⁾ Họ và tên của người ký cấp giấy chứng nhận.

PHỤ LỤC 05

MẪU THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Mặt trước thẻ:

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS ASSESSOR CERTIFICATE			
(2)	Nghề / Job..... ⁽¹⁾		
	Họ và tên/Fullname: ⁽³⁾		
	Ngày sinh/DOB:		
	Quốc tịch/Nationality:.....		
	CCCD/CMND/HC số/ID No:		
Bậc trình độ được đánh giá/Be participated assessment of levels:..... ⁽⁴⁾			
Hà Nội, ngày ... tháng...năm 20 ⁽⁵⁾			
⁽⁶⁾			
Mã số/No:.. ⁽⁸⁾ .../ ⁽⁹⁾ .../ ⁽¹⁰⁾ .. ⁽⁷⁾			

2. Mặt sau thẻ:

<i>Thẻ chỉ có giá trị trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với người có tên và ảnh ở mặt trước thẻ</i> <i>This certificate is valid only in the National Occupational Skills Assessment activities for the person with the name and picture on the front of this certificate</i>
--

3. Hình thức và các nội dung trên thẻ:

a) Hình thức thẻ:

- Thẻ có kích thước: chiều dài 87 mm, chiều rộng 61 mm;
- Mặt trước và mặt sau thẻ có nền màu trắng, có hoa văn màu vàng nhạt in chìm, ở chính giữa có in chìm hình trống đồng màu cam nhạt.

b) Các nội dung trên mặt trước thẻ:

- Hàng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

- Hàng chữ “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” được trình bày bằng kiểu chữ thường, đứng, màu đen;

- Các hàng chữ “**THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**”, “**NATIONAL OCCUPATIONAL SKILLS ASSESSOR CERTIFICATE**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đỏ;

- Cách ghi các nội dung khác trên thẻ như sau:

(1) Ghi tên nghề bằng kiểu chữ hoa đứng, màu đỏ;

(2) Dán ảnh màu nền màu trắng của người được cấp thẻ cỡ 03 x 04 cm chụp kiểu căn cước công dân/chứng minh nhân dân;

(3) Ghi họ và tên của người được cấp thẻ bằng kiểu chữ hoa đứng, màu đen;

(4) Ghi các bậc trình độ kỹ năng nghề bằng chữ số Ả Rập kiểu đứng, màu đen;

(5) Chức danh của người ký cấp thẻ bằng kiểu chữ in hoa, đứng, màu đen;

(6) Chữ ký và dấu cơ quan của người ký cấp thẻ;

(7) Họ và tên của người ký cấp thẻ;

(8) Ghi mã hiệu vùng theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

(9) Ghi số thứ tự của thẻ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen theo cách đánh số thứ tự được quy định tại mục a Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

(10) Ghi hai số cuối của năm cấp thẻ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen.

c) Các nội dung trên mặt sau thẻ:

- Hàng chữ “*Thẻ chỉ có giá trị trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với người có tên và ảnh ở mặt trước thẻ*” và “*This certificate is valid only in the National Occupational Skills Assessment activities for the person with the name and picture on the front of this certificate*” được trình bày theo kiểu chữ in thường nghiêng, màu đen.

PHỤ LỤC 06

**MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, BỔ SUNG,
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số **44**./2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**BẢN KÊ KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ**

I. Phần kê khai chung về cơ sở vật chất

1. Tổng diện tích mặt bằng: m²; trong đó:
 - a) Diện tích xây dựng nhà, xưởng: m²;
 - b) Diện tích xây dựng công trình khác (biển áp, xử lý nước, bể bơi, ...): m²;
 - c) Diện tích mặt bằng kỹ thuật (sân, bến, bãi sát hạch, thi công, ...): m²;
 - d) Diện tích khác (vườn hoa, sân thể thao, ...): m²;
2. Sơ đồ mặt bằng bố trí nhà, xưởng, mặt bằng kỹ thuật, công trình xây dựng khác.
3. Tổng diện tích xây dựng sử dụng: m²; trong đó:
 - a) Diện tích các xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật: m²;
 - b) Diện tích các phòng học, hội họp: m²;
 - c) Diện tích văn phòng, phòng làm việc: m²;
 - d) Diện tích phụ trợ (cầu thang, sảnh chờ, hành lang, khu vệ sinh): m²;
4. Hệ thống phụ trợ.
 - a) Báo cháy, phòng cháy, chữa cháy:
 - b) Máy phát điện:
 - c) Hệ thống kỹ thuật khác (cấp khí, cấp nhiệt, ...):
5. Hệ thống thiết bị giám sát, quan sát, thông tin liên lạc (camera, màn hình, ...):
6. Trang thông tin điện tử.
7. Cơ sở vật chất khác.

II. Phần kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo từng nghề

A. Đối với nghề:⁽³⁾.....

1. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra kiến thức.
- Số phòng kiểm tra kiến thức có gắn camera giám sát: ...⁽⁴⁾... ; trong đó:

a) Phòng:⁽⁵⁾...; diện tích: m²
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra; có: ...⁽⁷⁾... camera giám sát;
 ...⁽⁸⁾...

2. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành.

a) Số xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật có gắn camera giám sát: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 - Xưởng, phòng⁽⁵⁾...; diện tíchm²
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra; có: ...⁽⁷⁾... camera giám sát;
 ...⁽⁸⁾...

b) Số lượng mặt bằng kỹ thuật: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 Mặt bằng kỹ thuật⁽⁵⁾...; diện tíchm²;
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra;
 ...⁽⁸⁾...

3. Khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra.

a) Số khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 Khu vực chờ và quan sát có màn hình kết nối với các camera gắn trong các phòng
 kiểm tra ...⁽⁴⁾... và có: tổng diện tích m²;

Khu vực chờ và quan sát tại các mặt bằng kỹ thuật ...⁽⁴⁾... và có: tổng diện tích
 m².

4. Danh mục trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và
 phương tiện đo kiểm) phục vụ người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành và cho ban
 giám khảo đánh giá kỹ năng thực hành:

Số TT	Tên trang thiết bị	Hãng sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
1							
2							
...							

Số lượng trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương
 tiện đo kiểm) đủ để trang bị cho ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra ở các bậc trình độ kỹ năng ...⁽⁹⁾...

B. Đối với nghề:⁽³⁾.....
 ...⁽¹⁰⁾...

C. ...⁽¹¹⁾...

III. Địa điểm dự kiến thực hiện đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Tại địa điểm:.....⁽¹⁵⁾ dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

2. Tại địa điểm:.....⁽¹⁵⁾ dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

.....

.....⁽¹⁾ cam kết và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị trong bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị này là thuộc quyền sở hữu và được quyền sử dụng (xin gửi kèm theo đây các bản sao giấy tờ để chứng minh) trong việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia./.

(12)

(13)

(14)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽²⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽³⁾ Ghi tên nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁴⁾ Ghi rõ số lượng phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ;

⁽⁵⁾ Ghi tên hoặc số thứ tự của phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ đó;

⁽⁶⁾ Ghi số lượng vị trí kiểm tra;

⁽⁷⁾ Ghi rõ số lượng camera giám sát có trong phòng, xưởng đó;

⁽⁸⁾ Tiếp tục kê khai đối với phòng, xưởng, mặt bằng, khu vực chờ khác tương tự như đã kê khai trước đó;

⁽⁹⁾ Ghi theo bậc trình độ kỹ năng nghề;

⁽¹⁰⁾ Các nội dung kê khai đối với nghề này tương tự như với nghề đã kê khai trước;

⁽¹¹⁾ Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);

⁽¹²⁾ Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽¹³⁾ Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽¹⁴⁾ Họ và tên của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽¹⁵⁾ Địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

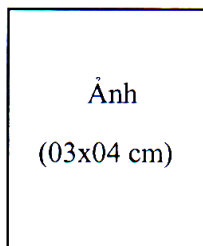
PHỤ LỤC 07

**MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI THẺ
ĐÁNH GIÁ VIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số **14**/2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên: Giới tính :.....
 Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....
 CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
 Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại:E.mail:
 Tôi đang làm nghề:⁽¹⁾.....và có được một trong điều kiện sau: ⁽²⁾

- a) Đã được công nhận là nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó ☐
- b) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó ☐
- c) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 về nghề đó và:
- c1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐
- c2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐
- d) Đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:
- d1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp ☐
- d2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp ☐
- đ) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó ☐
- e) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó và có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó ☐
- g) Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:
- g1. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐
- g2. Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐
- g3. Có ít nhất 15 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng

dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát ☐

h) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó ☐

i) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

k) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó ☐

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghề nhân cấp quốc gia ☐⁽³⁾
2. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 ☐⁽⁴⁾
3. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động ☐⁽⁵⁾
4. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng/ đại học và hợp đồng lao động ☐⁽⁶⁾
5. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 ☐⁽⁷⁾
6. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động ☐⁽⁸⁾
7. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động ☐⁽⁹⁾
8. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 ☐⁽¹⁰⁾
9. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động ☐⁽¹¹⁾
10. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 và hợp đồng lao động ☐⁽¹²⁾

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi ./.

.....⁽¹³⁾....., ngày ... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Ghi tên nghề mà người khai đang làm;

⁽²⁾ Đánh dấu X vào ô có được điều kiện đó;

⁽³⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện a;

⁽⁴⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện b;

⁽⁵⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện c1 hoặc c2;

⁽⁶⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện d1 hoặc d2;

⁽⁷⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện đ;

⁽⁸⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện e;

⁽⁹⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện g1 hoặc g2 hoặc g3;

⁽¹⁰⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện h;

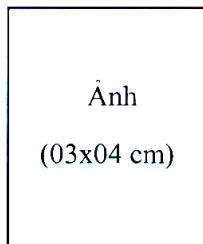
⁽¹¹⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện i;

⁽¹²⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện k;

⁽¹³⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/CẤP ĐỔI
THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên: Giới tính :

Ngày sinh: Quốc tịch:

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E.mail:

Tôi đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia của nghề:⁽¹⁾

và các bậc trình độ được phép đánh giá:^(1a)

ngày cấp Mã số:⁽²⁾

Lý do đề nghị cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia: ⁽³⁾

1. Do bổ sung, thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá ☐
2. Do thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng ☐
3. Do bị mất thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp ☐

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:

1. Bản chụp các giấy tờ chứng minh có được một trong các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 11 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP của Chính phủ ☐⁽⁴⁾
2. Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp ☐⁽⁵⁾
3. Một (01) ảnh màu của cá nhân nền màu trắng cỡ 03x04cm chụp kiểu chứng minh nhân dân.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi./.

.....⁽⁶⁾....., ngày ... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Ghi tên nghề đã được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;

^(1a) Ghi các bậc trình độ được phép đánh giá có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp

⁽²⁾ Ghi mã số có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp;

⁽³⁾ Đánh dấu X vào một ô thích hợp;

⁽⁴⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp bổ sung thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá;

⁽⁵⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng;

⁽⁶⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 08
MẪU PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số **41**/2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾..., ngày ... tháng ... năm 20.....

PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA

.....⁽¹⁾..... thông báo:

Họ và tên người tham dự:Giới tính:.....

Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:ngày cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:E.mail:

Đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc⁽³⁾.....của nghề⁽⁴⁾

Có mặt để tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ...⁽⁵⁾... năm

Thời gian:⁽⁶⁾

Địa điểm:⁽⁷⁾

Khi đến tham dự cần chuẩn bị và mang theo các loại giấy tờ, vật dụng sau đây:

1. Giấy CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu và phiếu báo dự kiểm tra này;

(đối với trường hợp đăng ký trực tuyến ngoài mang theo các giấy tờ trên, cần mang theo phiếu đăng ký tham dự đã in được khi đăng ký trực tuyến có ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04x06cm chụp kiểu chứng minh nhân dân và kèm theo bản chụp các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được điều kiện đã đăng ký tham dự)

2. Tài liệu, vật dụng, dụng cụ, thiết bị được mang theo để sử dụng khi thực hiện các bài kiểm tra lý thuyết, bài kiểm tra thực hành và trang bị bảo hộ lao động (có danh mục⁽⁸⁾ kèm theo);

3. Tiền thuê dụng cụ, thiết bị và mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu để sử dụng khi thực hiện bài kiểm tra (có bảng giá⁽⁹⁾ kèm theo);

4. Đồ dùng cá nhân và tiền sinh hoạt phí trong thời gian tham dự.

(10)

(11)

(12)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

⁽²⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽³⁾ Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề mà người tham dự đã đăng ký;

⁽⁴⁾ Ghi tên nghề mà người tham dự đã đăng ký;

⁽⁵⁾ Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

⁽⁶⁾ Ghi rõ thời gian có mặt cụ thể về giờ, ngày, tháng, năm;

⁽⁷⁾ Ghi rõ địa chỉ cụ thể của địa điểm nơi tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

⁽⁸⁾ Danh mục được lập theo các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp;

⁽⁹⁾ Bảng giá tiền thuê, mua do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập căn cứ mức giá cả theo cơ chế thị trường;

⁽¹⁰⁾ Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹¹⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹²⁾ Họ và tên của người ký.

PHỤ LỤC 09
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số **41**../2019/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **12** năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Ảnh
(04 x 06 cm))

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Nghề⁽¹⁾

Bậc trình độ kỹ năng nghề ...⁽²⁾...

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E.mail:

Xin gửi kèm theo phiếu đăng ký này các giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện để tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tương ứng với nghề và bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký như sau:⁽³⁾

1. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó ☐
2. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó ☐
3. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc giấy xác nhận học xong chương trình trung cấp nghề/học xong chương trình trung cấp chuyên nghiệp ☐
4. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó ☐
5. Bản chụp bằng nghề/bằng công nhân kỹ thuật và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó ☐
6. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó ☐
7. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc giấy xác nhận học xong chương trình cao đẳng nghề/học xong chương trình cao đẳng ☐
8. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó ☐

- | | | |
|-----|---|--------------------------|
| 9. | Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó | ☐ |
| 10. | Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy xác nhận học xong chương trình đại học | ☐ |
| 11. | Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó | ☐ |
| 12. | Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng tốt nghiệp đó | ☐ |
| 13. | Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc | ☐ |
| 14. | Bản chụp giấy tờ ghi nhận/chứng nhận thành tích, huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN | ☐ |

.....⁽¹⁾, ngày... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Ghi tên nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽²⁾ Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽³⁾ Đánh dấu X vào ô đáp ứng được điều kiện đó với trường hợp đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề từ bậc 2 trở lên;

⁽⁴⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục 10

**DANH SÁCH NGƯỜI THAM DỰ ĐẾN DỰ KIỂM TRA KIẾN THỨC,
DỰ KIỂM TRA THỰC HÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NGƯỜI THAM DỰ
ĐẾN DỰ KIỂM TRA KIẾN THỨC, DỰ KIỂM TRA THỰC HÀNH
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ...⁽³⁾... năm ...
Từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ...**

I. Nghề ...⁽⁴⁾...

1. Bậc trình độ kỹ năng nghề ...⁽⁵⁾...

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	CCCD/CMND/ Hộ chiếu		Địa chỉ liên hệ/ Điện thoại/ Email	Dự kiểm tra kiến thức	Dự kiểm tra thực hành
					Số	Ngày cấp			
1									
2									
...									

2. ...⁽⁶⁾...

...⁽⁷⁾...

II. Nghề ...⁽⁴⁾...

...⁽⁸⁾...

III. ...⁽⁹⁾...

.....⁽²⁾, ngày tháng năm 20.....

(10)

(11)

(12)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽²⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽³⁾ Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

⁽⁴⁾ Ghi tên nghề thực hiện đánh giá kỹ năng nghề trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁵⁾ Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề thực hiện đánh giá của nghề này;

⁽⁶⁾ Tiếp tục với các bậc trình độ khác của nghề này (nếu có);

⁽⁷⁾ Các nội dung của bậc trình độ kỹ năng nghề này tương tự như với bậc trình độ kỹ năng nghề trước đó;

⁽⁸⁾ Các nội dung của nghề này tương tự như nghề trước đó

⁽⁹⁾ Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);

⁽¹⁰⁾ Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹¹⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹²⁾ Họ tên của người ký.

PHỤ LỤC 11
MẪU BIÊN BẢN THU, NỘP BÀI KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 44./2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN THU, NỘP BÀI KIỂM TRA
Kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ...⁽³⁾... năm ...
Từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ...

Tại⁽⁴⁾.....

Đại diện ban giám khảo:

Ông/Bà:

Chức vụ:

Đã tiến hành thu bài kiểm tra⁽⁵⁾..... của những người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, cụ thể như sau:

TT	Danh sách người giao nộp bài kiểm tra	Số hiệu kiểm tra của người giao nộp bài kiểm tra	Tình trạng bài kiểm tra giao nộp ⁽⁶⁾	Ký xác nhận của người giao nộp bài kiểm tra	Ghi chú
1					
2					
3					
...					

Biên bản này lập vào hồigiờ ngày tháng năm 20...../.

NGƯỜI THU BÀI KIỂM TRA

(Ký và ghi rõ họ, tên)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽²⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽³⁾ Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

⁽⁴⁾ Ghi rõ địa điểm cụ thể khi giao, nhận bài kiểm tra;

⁽⁵⁾ Ghi rõ “bài kiểm tra kiến thức” hay “bài kiểm tra thực hành”;

⁽⁶⁾ Ghi rõ số lượng “tờ” hay “trang bài kiểm tra” hoặc “ sản phẩm bài kiểm tra” hay “ kết quả thực hiện bài kiểm tra” hay những thu âm, hình ảnh dưới dạng quay, chụp.